CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Điện thoại: 0243 886 5577 Fax: 0243 884 0199

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

TÊN SẢN PHẨM

TRÀ SỮA CÀ PHÊ MUỐI

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 125/NCS/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Điện thoại: 0243 886 5577 Fax: 0243 884 0199

E-mail: marketing@noibaicatering.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0101 509 403

Cơ sở được cấp giấy chứng nhận ISO 22000:2018 ngày cấp 16/02/2023. Nơi cấp BUREAU VERITAS VIỆT NAM

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TRÀ SỮA CÀ PHÊ MUỐI

2. Thành phần:

Trà sữa: Nước, bột kem không sữa, sữa đặc có đường (2,5%), đường vàng, trà đen (1%), cà phê (0,8%), muối tinh (0,3%), chất bảo quản (E202).

Topping: Trân châu.

3. Thời hạn sử dụng và bảo quản

- Thời hạn sử dụng: 7 ngày, NSX và HSD in trực tiếp trên bao bì sản phẩm.
- Bảo quản: Bảo quản lạnh 2-6 độ C.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- Quy cách đóng gói: đóng cốc với thể tích thực 200ml, 250ml, 300ml, 400ml, 500ml,…

(Sai số định lượng phù hợp với quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ khoa học và công nghệ)

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao bì nhựa PE hoặc bao bì giấy bên trong là lớp nhựa PE… đảm bảo vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Tên nhà sản xuất: Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Scanned with CamScanner

III. Mẫu nhãn sản phẩm ***(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)***

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Văn bản hợp nhất 09/VBHN-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc với thực phẩm.

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP và nghị định 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

- Thông tư 29/2023/BYT về Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nội Bài, ngày.02 tháng.06 năm...2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0101509403 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
H. SÓC SƠN - TP. HÀ NỘI

Tổng giám đốc

NGUYỄN VĂN DŨNG

Scanned with CamScanner

TEM NHÃN SẢN PHẨM TRÀ SỮA CÀ PHÊ MUỐI

Tên sản phẩm: **TRÀ SỮA CÀ PHÊ MUỐI / SALTED COFFEE MILK TEA**

Thành phần/ *Ingredient*:

- Trà sữa: Nước, bột kem không sữa, sữa đặc có đường (2,5%), đường vàng, trà đen (1%), cà phê (0,8%), muối tinh (0,3%), chất bảo quản (E202) /*Milk tea: Water, non-dairy creamer (7%), condensed milk (2,5%), yellow sugar, black tea (1%), coffee (0,8%), salt (0,3%), preservative (E202).*
- Topping: Trân châu/ *Tapioca pearls*

Thể tích thực/ *Net content*: 400 ml

NSX & HSD/ *PRD & EXP*: Xem trên bao bì/ *See on pack*

Hướng dẫn bảo quản/*Storage*: Bảo quản lạnh 2-6°C/ *Store at 2-6°C*

Hướng dẫn sử dụng/ *Instructions for use*: Sử dụng trực tiếp. Lắc đều trước khi sử dụng/ *Use directly. Shake well before using*

Sản xuất và phân phối/ *Production and distribution*: Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài – Đơn vị thành viên của VIETNAM AIRLINES/ *Noibai catering services JSC – Member unit of VIETNAM AIRLINES*

Địa chỉ/*Address*: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội/ *Noi Bai International Airport, Phu Minh Commune, Soc Son District, Hanoi*

Điện thoại/ *Contact*: 0243 886 5577/Ext: 234

Đặt hàng tại/ *Order here*:

- Hotline: 085 681 0012
- Website: www.bephangkhong.com.vn | www.bephangkhong.com

Số tự công bố/ *Self-published number*: 125/NCS/2025

Cảnh báo ATTP/ *Food safety warning*: Sản phẩm có chứa sữa và cafein, không phù hợp với người bị dị ứng thành phần này. Sản phẩm có chứa hạt trân châu, cần trọng khi sử dụng cho trẻ em và người lớn tuổi./ *The product contains milk and cafeine, not suitable for people allergic to this ingredient. The product contains tapioca pearls, be careful when using on children and the elderly.*

Thông tin dinh dưỡng trong 100g sản phẩm*/ *Nutritional information per 100g**

Năng lượng/*Energy*	73 kcal	Chất béo/*Fat*	2,87g
Chất đạm/*Protein*	0,59 g	Natri	330 mg
Carbohydrat	11,2g	Đường/*Sugar*	11,1 g

* Hàm lượng các chất không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

** The content of substances is not less than 80% of the value stated on the label.*

Scanned with CamScanner

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : NGM22504120168-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00060422

Mã số EoI : 005-32410-443174
Mã số mẫu do khách hàng thiết lập : NSX: 09/04/2025
Tên mẫu : Trà sữa cà phê muối
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong cốc giấy
Ngày nhận mẫu : 12/04/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 18/04/2025
Thời gian thử nghiệm : 12/04/2025 - 19/04/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) *Clostridium perfringens*	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) *Escherichia coli*	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD373 VD (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD711 VD (a) *Pseudomonas aeruginosa*	cfu/ g	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2024)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VDB84 VD (a) *Fecal streptococci*	cfu/ g	CMMEF - tái bản lần thứ 5 2015 (APHA) – Chương 10	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 4882:2007; ISO 4831:2006	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	0.58
10	VD304 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3482	11.1
11	VD543 VD (m) Năng lượng tổng (tính theo Carbohydrat tổng, chất đạm, chất béo)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	73
12	VD269 VD (a) Muối (NaCl)	%	EVN-R-RD-2-TP-3501	0.33
13	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	84.1
14	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	0.64
15	VD30A VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578	411
16	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)

Scanned with CamScanner

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00060422

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD861 VD (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
18	VD856 VD (a) **Arsen (As)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
19	VD857 VD (a) **Thủy ngân (Hg)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
20	VD640 VD (a) **Aflatoxin M1**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628	Không phát hiện (LOD=0.01)
21	VDERJ VD (m) **Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)**	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	11.2
22	VDYL7 VD (a) **Chất béo**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	2.87
23	VDS54 VD (a) **Chất đạm**	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	0.59

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 30/05/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 30/05/2025.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

Scanned with CamScanner